

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 29/4/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn H**;

2. Bà **Phan Thị Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 423/2019 /TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hui ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST – DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L H**, sinh năm 1965; địa chỉ: số 66, ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983, văn phòng luật sư **Nguyễn Văn P**, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (có văn bản yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Kim H (M)**, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T A** (**Nguyễn T A**), tự **M**, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L H** trình bày: Bà làm các dây hui bà **H** tham gia cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/5/2018 âm lịch, có 22 hội viên, bà H tham gia 01 phần, mãn hội 15/02/2020. Bà H chầu được 02 lần, đến lần thứ ba thì khai 580.000 đồng bà H bỏ hốt, trừ huê H 1.000.000 đồng, bà H nhận được số tiền $30.980.000 - 1.000.000 = 29.980.000$ đồng. Sau khi hốt hội bà H không chầu hội chết cho đến nay. Tổng số tiền bà chầu thay cho bà H đến khi bà khởi kiện là $14 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 28.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội thứ hai: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 29/9/2018 âm lịch, bà H tham gia 01 phần, dây hội có 18 hội viên, hội mãn ngày 29/02/2020 âm lịch. Hội khai lần đầu bà H bỏ 550.000 đồng, hốt được số tiền $26.100.000 - 1.000.000 \text{ đồng} = 25.100.000 \text{ đồng}$. Sau khi hốt hội thì bà H không chầu lại hội chết cho đến nay. Tổng cộng bà chầu hội thay cho bà H đến khi khởi kiện là $12 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 24.000.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, bà H có vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 14/10/2018 âm lịch, việc vay không làm biên nhận, không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để mua gạch bán lại có lời để chầu hội. Từ khi vay đến nay, bà H không trả vốn và cũng không đóng lãi cho bà.

Bà H và ông M là vợ chồng, bà H tham gia hội với mục đích dùng để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt phí trong gia đình. Việc giao nhận tiền chỉ có bà với bà H, bà H tham gia hội, ông M chồng bà cũng biết. Lúc bà H tham gia hội cũng như hốt hội thì vợ chồng bà H còn đi ghe gạch, sinh hoạt chung trong gia đình. Nay bà yêu cầu bà H cùng ông M trả số tiền hội đến thời điểm khởi kiện của hai dây hội 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền hội còn lại đến nay chưa mãn, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Đồng thời, yêu cầu bà H cùng ông T A (M) trả số tiền vay 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ khi nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày: Tôi và anh Nguyễn T A (M) là vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, chung sống với nhau vào năm 2004 cho đến nay. Bà thống với lời trình bày của bà L về phần hội cũng như số tiền vay. Nhưng việc tham gia hội và tiền vay, chồng bà không biết, mục đích tham gia hội và vay tiền để tiêu dùng cá nhân. Đối với tiền vay 10.000.000 đồng đến nay bà chưa trả lãi cũng như vốn, thỏa thuận trả lãi và vốn mỗi ngày 200.000 đồng, trả trong 60 ngày thì dứt vốn và lãi nhưng bà không có tiền để thực hiện. Đối với phần hội chưa mãn khi nào bà L khởi kiện vụ kiện khác thì bà đồng ý giải quyết theo quy định pháp luật. Nay bà đồng ý trả số tiền vay 10.000.000 đồng, và lãi suất theo quy định pháp luật; đồng ý trả số tiền hội 52.000.000 đồng tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A) tự là M đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông không đến nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án

Từ ngày 15/5a/2018 đến ngày 29/9a/2018, bà Phạm Thị Kim H có tham gia 02 dây hui 2.000.000 đồng/tháng do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Sau khi hốt hui, bà H không châu lại hui chết với tổng số tiền 52.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H có vay của bà L 10.000.000 đồng vào ngày 14/10a/2018, không có làm biên nhận. Nay, bà L yêu cầu bà H và ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn Văn M, Nguyễn T A - chồng bà H) liên đới trả tiền nợ hui 52.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi trên số tiền vay theo quy định của pháp luật từ ngày 30/10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Phía bà H thừa nhận có nợ hui và vay của bà L tổng cộng 62.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Ông T A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hui giữa bà L và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng 02 giấy hui 2.000.000 đồng/tháng, có các hui viên cùng tham gia và tại phiên tòa bà H thừa nhận nợ bà L với tổng số tiền 62.000.000 đồng nên bà L khởi kiện là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự.

Riêng ông T A, tuy không trực tiếp giao dịch với bà L nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T A không có ý kiến phản hồi, nên việc bà L yêu cầu ông T A liên đới cùng bà H trả 62.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, do bà H, ông T A chậm thực hiện nghĩa vụ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên việc bà L yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự. Riêng, việc bà H xin trả dần, không được bà L đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 282, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bà Phạm Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn Văn M, Nguyễn T A) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L nợ hui 52.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng.

- Tính lãi suất trên số tiền vay 10.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ ngày 30/10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị Kim H cư trú ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M, ông Nguyễn Văn P.

[2] Qua lời trình bày nguyên đơn bà Nguyễn Thị L H và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà L H với bà H có ký kết hợp đồng vay tài sản, góp hội giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bà H không trả số tiền vay, hội khi bà L H có yêu cầu làm ảnh hưởng thiệt thòi đến quyền lợi của bà L H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà L H. Buộc bà H và ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L H số tiền hội 52.000.000 đồng, tiền vay 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét thấy trong quá trình tham gia hội, vay tài sản với bà L H đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M, vì vậy bà L H yêu cầu ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L H số tiền hội 52.000.000 và tiền vay 10.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L H, buộc bà Phạm Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 52.000.000 đồng, tiền vay 10.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị L H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 30/10/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm, số tiền lãi được tính như sau:

Ngày 30/10/2019 đến ngày 29/4/2020 là 183 ngày x lãi suất 10%/năm = 506.000 đồng (năm trăm lẻ sáu ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 10.506.000 đồng (mười triệu năm trăm lẻ sáu ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Kim H, Nguyễn Văn T A, Nguyễn T A, tự là M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L H.

Buộc bà Phạm Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L H số tiền vốn vay 10.506.000 đồng, tiền hui 52.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 62.506.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim H, ông Nguyễn Văn T A (Nguyễn T A), tự là M phải chịu 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007688 ngày 18.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn